

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**

**BÀNH THỊ THẢO**

**THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI  
ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI TỈNH NGHỆ AN**

**Chuyên ngành : Tài chính - Ngân hàng**

**Mã số : 9.34.02.01**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**HÀ NỘI - 2022**



## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài luận án

Đầu tư trực tiếp nước ngoài đã và đang đóng vai trò qua trọng trong sự phát triển kinh tế xã hội của nhiều quốc gia trên thế giới. Sau những ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, Việt Nam được đánh giá sẽ là một điểm đến hấp dẫn thu hút các NĐTNN, hứa hẹn thu hút nhiều dự án ĐTTTNN trong thời gian tới. Đây là cơ hội cho Việt Nam nói chung và các tỉnh thành trong nước nói riêng chớp lấy thời cơ, đón đầu sự dịch chuyển dòng vốn ĐTTTNN.

Nghệ An là một tỉnh nằm ở khu vực Bắc Trung Bộ, được coi là tỉnh có nhiều tiềm năng trong thu hút vốn ĐTTTNN. Tỉnh cũng xác định thu hút vốn ĐTTTNN là một trong những nhiệm vụ chiến lược phát triển KT-XH địa phương, là một trong những giải pháp then chốt đưa tỉnh trở thành trung tâm kinh tế, chính trị, xã hội của khu vực Bắc Trung Bộ. Sau 30 năm thu hút, vốn ĐTTTNN đã mang lại những đóng góp nhất định cho phát triển KT-XH địa phương. Tuy nhiên, kết quả thu hút vốn ĐTTTNN của tỉnh chưa đạt được nhiều kết quả như kỳ vọng và đóng góp của dòng vốn này đối với phát triển KT-XH địa phương chưa thực sự rõ nét. Điều này thể hiện những biện pháp thu hút vốn ĐTTTNN của tỉnh chưa thực sự phát huy tác dụng, không hiệu quả và cần phải thay đổi.

Vì vậy, NCS lựa chọn đề tài “*Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế, xã hội tỉnh Nghệ An*” để nghiên cứu. Trong bối cảnh hiện nay đề tài này có tính thực tiễn, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội địa phương, định hướng thu hút vốn ĐTTTNN thế hệ mới cả nước nói chung và tỉnh Nghệ An nói riêng.

### 2. Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án

#### 2.1. Các công trình nghiên cứu quốc tế liên quan đến đề tài luận án

Đề tài thu hút vốn ĐTTTNN được thực hiện bởi nhiều nghiên cứu rất nhiều ở quốc tế. Các công trình nghiên cứu được thực hiện bởi nhiều tác giả, với đa dạng đối tượng nghiên cứu, dữ liệu nghiên cứu và phương pháp thực hiện nghiên cứu.

Phạm vi không gian của các nghiên cứu quốc tế thường là phạm vi quốc gia, vùng lãnh thổ. Phạm vi nội dung luận án tiếp cận để phân tích tổng quan bao gồm: (1) tác động của vốn ĐTTTNN đến phát triển kinh tế xã hội của quốc gia/ địa phương, (2) Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn ĐTTTNN vào quốc gia/địa phương, (3) Các giải pháp chính sách đặc biệt là các giải pháp tài chính mà các

quốc gia/địa phương sử dụng để thu hút vốn ĐTTTNN. Các kết quả nghiên cứu của các công trình là không thống nhất.

## **2.2. Các công trình nghiên cứu trong nước liên quan đến đề tài luận án**

Các công trình nghiên cứu trong nước cũng được thực hiện phân tích tổng quan dưới 3 góc độ của như các công trình quốc tế. Tuy nhiên, phạm vi không gian nghiên cứu là tỉnh, vùng kinh tế trong nước và Việt Nam. Một số nghiên cứu trong nước có kết quả tương đồng với các nghiên cứu quốc tế. Phạm vi nội dung luận án tiếp cận để phân tích tổng quan cũng tương tự như các nghiên cứu quốc tế

## **2.3. Khái quát kết quả của các nghiên cứu và khoảng trống nghiên cứu**

### **2.3.1. Khái quát kết quả các nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án**

*Về góc độ lý luận về ĐTTTNN:* Khái niệm, đặc điểm, hình thức, vai trò và một số nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn ĐTTTNN vào địa phương, vùng kinh tế, quốc gia, vùng lãnh thổ. *Về kinh nghiệm thực tiễn,* đa số các công trình đều đưa ra kinh nghiệm thành công cũng như hạn chế của một số quốc gia, khu vực trên thế giới hay một số địa phương trong thu hút vốn ĐTTTNN để rút ra bài học riêng, gợi ý cho việc hoạch định cơ chế, chính sách giải pháp thu hút vốn ĐTTTNN. *Về góc độ thực tế:* Sau khi phân tích thực trạng, các công trình nghiên cứu đều đưa ra mục tiêu, phương hướng và giải pháp tăng cường thu hút vốn ĐTTTNN, nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội của vốn ĐTTTNN. *Về phương pháp nghiên cứu,* chủ yếu các nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích đánh giá truyền thống mang tính định tính, và các nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng dùng dữ liệu sơ cấp hoặc thứ cấp để phân tích. Riêng đối với Tỉnh Nghệ An đã có 1 nghiên cứu trước đây của TS Đặng Thành Cường (2012).

### **2.3.2. Khoảng trống nghiên cứu**

*Về nội dung nghiên cứu:* tuy đã có một số nghiên cứu về thu hút vốn ĐTTTNN để phát triển KTXH địa phương bao gồm thiết lập mục tiêu thu hút, cải thiện môi trường đầu tư, xúc tiến đầu tư nhưng chưa có nghiên cứu nào khai thác tập trung vào các giải pháp tài chính như thuế, chính sách tài chính đất đai, chi ngân sách nhà nước mà chính quyền địa phương thực hiện trong các nội dung đó.

*Về phạm vi nghiên cứu:* mỗi địa phương sẽ có những đặc thù thu hút vốn ĐTTTNN khác nhau, những nhân tố tác động đến thu hút vốn ĐTTTNN khác nhau. Đối với nghiên cứu thu hút vốn ĐTTTNN vào tỉnh Nghệ An đã có 1 nghiên cứu của TS. Đặng Thành Cường thực hiện năm 2012. Cách tiếp cận nội dung thu

hút vốn ĐTTTNN khác chỉ bảo gồm các chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư. Mặt khác bối cảnh thu hút vốn ĐTTTNN hiện nay đã có nhiều thay đổi.

Về phương pháp nghiên cứu: sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) để tìm hiểu về các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn ĐTTTNN để phát triển KTXH tỉnh Nghệ An.

### **3. Mục tiêu nghiên cứu**

Đề xuất một số giải pháp thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An trong thời gian tới.

#### ***Các câu hỏi nghiên cứu đặt ra:***

*Thứ nhất*, vốn ĐTTTNN đã đóng góp như thế nào cho phát triển KTXH tỉnh Nghệ An trong thời gian nghiên cứu?

*Thứ hai*, thực trạng vốn ĐTTTNN tại tỉnh Nghệ An trong giai đoạn nghiên cứu như thế nào?

*Thứ ba*, tỉnh Nghệ An đã sử dụng các biện pháp, giải pháp gì để thu hút vốn ĐTTTNN nhằm thúc đẩy phát triển KTXH tỉnh Nghệ An? Những kết quả đạt được, hạn chế của những biện pháp giải pháp đó là gì?

*Thứ tư*, với bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, sự dịch chuyển mạnh mẽ của dòng vốn ĐTTTNN trên toàn thế giới, tỉnh Nghệ An cần có những biện pháp nào để tăng cường thu hút vốn ĐTTTNN để phát triển KTXD tỉnh trong thời gian tới?

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### ***4.1. Đối tượng nghiên cứu***

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa phương

#### ***4.2. Phạm vi nghiên cứu***

Nội dung: thu hút vốn ĐTTTNN để phát triển kinh tế xã hội địa phương bao gồm 3 nội dung thiết lập mục tiêu thu hút, cải thiện môi trường đầu tư, xúc tiến đầu tư, trong đó tập trung chủ yếu vào các giải pháp tài chính cho các nội dung trên.

Không gian: địa bàn tỉnh Nghệ An và kinh nghiệm của thành phố Thẩm Quyển - Trung Quốc, Iskandar - Malaysia, tỉnh Bình Dương và tỉnh Vĩnh Phúc

Thời gian: Thực trạng thu hút vốn ĐTTTNN tại tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011 - 2021, giải pháp thu hút vốn ĐTTTNN đến năm 2025 tầm nhìn 2030. Bài học kinh nghiệm thu hút vốn ĐTTTNN của Thẩm Quyển Trung Quốc giai đoạn 1987 - 2008, của Iskandar Malaysia giai đoạn 1986 -2016.

## **5. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu**

### **5.1. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án đã sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu cả định tính và định lượng. Các phương pháp định tính: thống kê mô tả, thống kê phân tổ, so sánh, tổng hợp, khảo sát điều tra. Phương pháp định lượng: phân tích nhân tố khám phá và phương pháp bình phương nhỏ nhất OLS.

## **6. Những đóng góp mới của Luận án**

*Về lý luận:* Luận án đã hệ thống hóa và làm rõ một số lý luận cơ bản về vốn ĐTTNN (khái niệm, đặc điểm, tác động của vốn ĐTTTNN đến phát triển KTXH địa phương), thu hút vốn ĐTTTNN vào địa phương phục vụ phát triển KTXH địa phương.

*Về thực tiễn:* Luận án đã phân tích rõ thực trạng ĐTTTNN và thực trạng thu hút vốn ĐTTTNN của tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011-2021. Trong đó nhấn mạnh phân tích các nội dung thu hút vốn ĐTTTNN của tỉnh như thiết lập mục tiêu thu hút, cải cách môi trường đầu tư; công tác xúc tiến đầu tư của tỉnh dưới góc độ tài chính. Trên cơ sở đó luận án đánh giá kết quả đạt được và những hạn chế cũng như các nguyên nhân. Từ đó luận án đưa ra các giải pháp nhằm tăng cường thu hút vốn ĐTTTNN đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An trong thời gian tới.

## **7. Kết cấu của Luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận án được kết cấu thành 3 chương:

*Chương 1:* Cơ sở lý luận và thực tiễn về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội địa phương

*Chương 2:* Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An

*Chương 3:* Giải pháp đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Nghệ An

**Chương 1**  
**CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ THU HÚT VỐN**  
**ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CHO PHÁT TRIỂN**  
**KINH TẾ- XÃ HỘI ĐỊA PHƯƠNG**

**1.1. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với phát triển kinh tế-xã hội địa phương**

**1.1.1. Đầu tư trực tiếp nước ngoài**

*1.1.1.1. Khái niệm*

Từ phân tích trên luận án khái quát khái niệm: Đầu tư trực tiếp nước ngoài là hoạt động chủ thể đầu tư tại một quốc gia này mang vốn bằng tiền hoặc các nguồn lực cần thiết vào một quốc gia khác (nước tiếp nhận đầu tư), trực tiếp tham gia quản lý, điều hành chuyển hóa các nguồn lực đó thành vốn sản xuất kinh doanh nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận lâu dài.

*1.1.1.2. Đặc điểm của đầu tư trực tiếp nước ngoài*

Thứ nhất, ĐTTTNN là hình thức mang tính khả thi và hiệu quả kinh tế rất lớn. Vì vậy, mục đích hàng đầu của ĐTTTNN là tìm kiếm lợi nhuận dài hạn.

Thứ hai, cơ sở quy định quyền và nghĩa vụ mỗi bên tham gia là tỷ lệ đóng góp của các bên trong vốn điều lệ hoặc vốn pháp định

Thứ ba, ĐTTTNN thường đi kèm với chuyển giao công nghệ cho nước tiếp nhận đầu tư, bên cạnh chuyển giao vốn bằng tiền.

Thứ tư, ĐTTTNN có tác động trực tiếp và lâu dài tới cơ cấu kinh tế và mức độ phát triển của quốc gia tiếp nhận.

Thứ năm, ĐTTTNN không tạo ra những ràng buộc về chính trị, quân sự, không để lại gánh nặng nợ cho quốc gia tiếp nhận.

*1.1.1.3. Các hình thức đầu tư trực tiếp*

Thành lập tổ chức kinh tế 100% vốn nhà đầu tư nước ngoài, Thành lập doanh nghiệp liên doanh giữa các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài, Đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC), Hình thức hợp đồng BOT, BTO, BT, Đầu tư mua cổ phần hoặc sáp nhập, mua lại doanh nghiệp

**1.1.2. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài**

*1.1.2.1. Khái niệm*

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là biểu hiện dưới hình thái giá trị (thường là ngoại tệ) của tất cả tài sản vật chất (tiền, tài chính, vật tư hàng hóa, tư liệu sản xuất, tài nguyên thiên nhiên, công nghệ, kỹ năng quản lý, công nghệ sản xuất, thương hiệu...) mà NĐTNN mang vào quốc gia/địa phương tiếp nhận dưới hình thức ĐTTTNN để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm mục đích tìm kiếm lợi nhuận lâu dài.

*1.1.2.2. Vị trí của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài*

Đứng dưới góc độ vĩ mô nguồn vốn đầu tư xã hội bao gồm nguồn vốn trong nước và ngoài nước. Vốn ĐTTTNN là nguồn vốn nước ngoài quan trọng có

nhiều ưu thế so với các nguồn vốn nước ngoài khác (ổn định hơn, lợi ích dài hạn, về tiềm năng tăng trưởng và không tạo gánh nặng nợ cho quốc gia tiếp nhận).

### **1.1.3. Đóng góp của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài với phát triển kinh tế-xã hội địa phương**

*1.1.3.1. Những đóng góp tích cực của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến phát triển kinh tế-xã hội địa phương*

Bổ sung nguồn vốn quan trọng cho phát triển kinh tế xã hội địa phương, Tham gia vào mạng lưới sản xuất toàn cầu, tiếp cận thị trường thế giới, Tiếp thu công nghệ và bí quyết quản lý kinh doanh, Thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, Liên kết các ngành công nghiệp, Tạo việc làm và phát triển nguồn nhân lực cho địa phương, Góp phần cải cách thủ tục hành chính và tăng tính minh bạch cho môi trường đầu tư của địa phương

*1.1.3.2. Tiêu chí đánh giá đóng góp của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến phát triển kinh tế-xã hội địa phương*

- a. Đóng góp cho tăng trưởng kinh tế địa phương
- b. Đóng góp vào thu ngân sách địa phương
- c. Đóng góp cho kim ngạch xuất khẩu địa phương
- d. Đóng góp cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương
- e. Góp phần tạo việc làm và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động của địa phương
- f. Đóng góp vào thu nhập của người lao động tại địa phương
- g. Tác động chuyển giao công nghệ

## **1.2. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế-xã hội địa phương**

### **1.2.1. Khái niệm, đặc điểm**

#### *1.2.1.1. Khái niệm*

Thu hút vốn ĐTTTNN để phát triển kinh tế-xã hội địa phương là tập hợp các biện pháp, cơ chế chính sách mà chính quyền địa phương thực hiện để khuyến khích, hấp dẫn các NĐTNN đầu tư vào địa phương đáp ứng yêu cầu quy hoạch, định hướng, có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương

#### *1.2.1.2. Đặc điểm thu hút vốn ĐTTTNN để phát triển kinh tế-xã hội địa phương*

*Thứ nhất*, thu hút vốn ĐTTTNN vào địa phương mang tính chủ quan, chủ động của địa phương tiếp nhận và nằm trong bối cảnh thu hút vốn ĐTTTNN của quốc gia. *Thứ hai*, thu hút vốn ĐTTTNN để phát triển kinh tế-xã hội địa phương là những hoạt động được tiến hành thường xuyên liên tục trước và sau khi nhận đầu tư, song hành với quá trình phát triển kinh tế-xã hội địa phương. *Thứ ba*, thu hút vốn ĐTTTNN cho phát triển kinh tế-xã hội địa phương sẽ dần hướng đến chú trọng thu hút vốn ĐTTTNN có chất lượng hơn là số lượng. *Thứ tư*, có tác động qua lại và hỗ trợ nhau giữa NĐTNN và địa phương thu hút thể hiện qua mối quan hệ giữa sự phát triển của DN có vốn ĐTTTNN với sự phát triển kinh tế-xã hội của địa phương thu hút.

### ***1.2.2. Các nhân tố tác động đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa phương***

Hầu hết các nghiên cứu thực nghiệm trước đây đều có thống nhất các nhân tố tác động đến thu hút vốn ĐTTTNN vào địa phương bao gồm: (1) Cơ sở hạ tầng, (2) Chính sách, ưu đãi đầu tư, (3) Chất lượng dịch vụ công, (4) Nguồn nhân lực, (5) Chi phí đầu vào cạnh tranh, (6) Thương hiệu địa phương, (7) Môi trường sống, (8) Công nghiệp hỗ trợ và cụm ngành.

### ***1.2.3. Nội dung thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa phương để phát triển kinh tế - xã hội địa phương***

#### ***1.2.3.1. Thiết lập các mục tiêu thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài***

Thiết lập mục tiêu thu hút vốn ĐTTTNN vào địa phương để phát triển kinh tế xã hội địa phương là việc chính quyền địa phương định hướng tới việc thu hút dòng vốn ĐTTTNN vào địa phương trong một khoảng thời gian xác định, có tính khả thi, phù hợp với luật pháp Việt Nam và thông lệ quốc tế đáp ứng nhu cầu vốn để phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Từ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội địa phương, chính quyền địa phương sẽ làm rõ các mục tiêu đối với dòng vốn ĐTTTNN là gì? Các nội dung cần làm rõ trong xây dựng thiết lập mục tiêu thu hút vốn ĐTTTNN cho phát triển kinh tế- xã hội địa phương bao gồm:

- **Mục tiêu thu hút vốn ĐTTTNN:** Quy mô thu hút vốn ĐTTTNN trong từng giai đoạn là bao nhiêu? căn cứ để xác định quy mô đó như thế nào? Các ngành nghề mũi nhọn cần ưu tiên để xúc tiến đầu tư chủ động bao gồm các ưu tiên trước mắt (quan trọng đối với việc tăng cường gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh của địa phương) là những ngành nghề nào? Các ưu tiên ngắn hạn, trung hạn là ngành nghề nào? NĐTNN mục tiêu mà địa phương mong muốn thu hút đến từ quốc gia nào? Lý do vì sao?

- **Mục tiêu về đóng góp của khu vực có vốn ĐTTTNN tới phát triển kinh tế xã hội địa phương:**

Tăng chỉ tiêu đóng góp cho GRDP, đóng góp tăng thu NSNN, tăng giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực có vốn ĐTTTNN, tạo thêm bao nhiêu việc làm của địa phương....

Bên cạnh các mục tiêu, địa phương cần xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để đạt được các mục tiêu được thiết lập ở trên.

#### ***1.2.3.2. Cải thiện môi trường đầu tư của địa phương để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài***

Trong tất cả các yếu tố thuộc môi trường đầu tư, có những yếu tố thuộc về cố hữu của địa phương không thể thay đổi hay khó tác động. Địa phương chỉ có thể tác động đến các yếu tố mang tính chủ quan và mang tính chất quyết định đến việc cải thiện môi trường đầu tư của địa phương.

### **Thứ nhất, cải thiện các chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư cho các DN có vốn ĐTTNN.**

Các chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư bao gồm:

- Các chính sách về thuế đối với DN có vốn ĐTTNN

+ Áp dụng các ưu đãi miễn giảm thuế theo quy định của Nhà nước:

+ Ban hành quy trình, quản lý thuế khoa học, nhanh chóng, chính xác

- Các chính sách về đất đai: Xác định giá thuê đất, mặt nước cạnh tranh, Miễn tiền thuê đất có thời hạn.

- Các chính sách hỗ trợ đầu tư từ NSNN: Các khoản hỗ trợ đầu tư thường được địa phương trích từ NSNN như hỗ trợ giải phóng mặt bằng, hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật KCN, KKT, hỗ trợ đào tạo lao động ban đầu, hỗ trợ quảng bá quảng cáo hình ảnh DN, hỗ trợ các chi phí hành chính ban đầu.

### **Thứ hai, cải thiện cơ sở hạ tầng trọng yếu liên quan trực tiếp đến hoạt động của NĐTNN.**

Các giải pháp mà tỉnh có thể sử dụng để cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật trọng yếu bao gồm:

- Chi NSNN cho đầu tư xây dựng CSHT (vai trò của nguồn vốn này như vốn môi đầu tư vào CSHT trọng yếu).

- Bên cạnh NSNN, địa phương huy động các nguồn vốn khác để đầu tư vào hạ tầng như nguồn BOT, BT, PPP, nguồn vốn vay ưu đãi ODA, hoặc các nguồn vốn đầu tư vào của khu vực tư nhân.

Mức độ cải thiện của CSHT trọng yếu được đánh giá: (1) Khảo sát DN có vốn ĐTTNN đó về hiện trạng của CSHT và sự cần thiết để cải thiện các CSHT trong thời gian tới; (2) So sánh các chi phí hậu cần (đường bộ, đường biển...) từ hệ thống CSHT của địa phương so với các địa phương khác.

### **Thứ ba, cải cách thủ tục hành chính**

Chính quyền địa phương cần xây dựng và cải cách các TTHC nhằm hạn chế các chi phí không chính thức phát sinh, tiết kiệm thời gian cho DN ĐTTNN. Địa phương chi NSNN cho các nội dung của cải cách hành chính:

- Chi NSNN cho xây dựng đề cương chương trình, kế hoạch cải cách hành chính hàng năm

- Chi tổ chức các cuộc điều tra, khảo sát phục vụ công tác CCHC

- Chi thanh tra, kiểm tra tình hình thực hiện cải cách hành chính; theo dõi, giám sát, đánh giá việc giải quyết thủ tục hành chính.

- Chi đầu tư xây dựng, tu sửa, vận hành hoạt động Bộ phận Một cửa

- Chi ứng dụng công nghệ thông tin vào cải cách hành chính như xây dựng, duy trì Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp tỉnh.

Kết quả đem lại của chi NSNN để cải cách thủ tục hành chính là cắt giảm các thủ tục hành chính (số thủ tục và thời gian) và sự hài lòng của NĐTNN trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính tại địa phương. Kết quả của nỗ lực cải

cách hành chính của địa phương còn thể hiện qua sự cải thiện của các chỉ số Cải cách hành chính PARINDEX và chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI.

### **Thứ tư, cải thiện đội ngũ lao động và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của địa phương.**

Để cải thiện, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực địa phương có thể có những giải pháp như:

- Thực hiện các chương trình khuyến khích hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực địa phương cho các cơ sở đào tạo dạy nghề;
- Tăng cường chi NSDP vào đào tạo nguồn nhân lực tỉnh bao gồm đào tạo nghề, đào tạo chuyên nghiệp, bồi dưỡng đội ngũ công chức viên chức...;
- Chính sách khuyến khích thu hút nhân tài về địa phương (nguồn từ NSDP), phối hợp với các DN có vốn ĐTTTNN đào tạo trực tiếp đội ngũ nhân lực theo nhu cầu...

Sự cải thiện của đội ngũ nhân lực thể hiện qua tỷ lệ nhân lực đã qua đào tạo, cơ cấu ngành nghề của đội ngũ nhân lực được đào tạo, và đánh giá của NĐTNN về đội ngũ nhân lực của địa phương.

#### *1.2.3.3. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư trực tiếp nước ngoài*

Song song với việc tiến hành cải thiện môi trường đầu tư, thì việc thiết lập một cơ quan xúc tiến đầu tư chủ động và xây dựng các chiến lược quảng bá để thu hút vốn ĐTTTNN thế hệ mới là một điều nên làm. Đặc biệt, một địa phương thiết lập một chiến lược thu hút vốn ĐTTTNN chủ động thông qua xúc tiến đầu tư có thể cải thiện được lợi thế cạnh tranh của địa phương đó.

Với các nội dung nội dung xúc tiến đầu tư như trên thì địa phương cần có nguồn tài chính thực hiện. Nguồn tài chính chủ yếu là đến từ NSNN cho hoạt động xúc tiến đầu tư theo các nội dung như trên. Theo World Bank, khi ngân sách dành cho XTĐT tăng thêm 10% thì khả năng thu hút vốn ĐTTTNN có thể tăng lên 2,5%.

### **1.2.4. Tiêu chí đánh giá kết quả thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa phương**

#### *1.2.4.1. Quy mô vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài*

Quy mô vốn ĐTTTNN đăng ký, Quy mô vốn thực hiện, Tỷ lệ giải ngân, Quy mô vốn bình quân trên 1 dự án.

#### *1.2.4.2. Cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài*

Cơ cấu vốn ĐTTTNN theo hình thức đầu tư, Cơ cấu vốn ĐTTTNN theo ngành kinh tế, Cơ cấu vốn ĐTTTNN theo địa điểm đầu tư

### **1.3. Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội của một số địa phương và bài học rút ra cho tỉnh Nghệ An**

#### **1.3.1. Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội của một số địa phương**

Luận án đã nêu ra các kinh nghiệm thu hút vốn ĐTTTNN cho phát triển KTXH từ Thâm Quyển - Trung quốc, Iskandar - Malaysia, Bình Dương, Vĩnh Phúc

### ***1.3.2. Bài học về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài rút ra cho tỉnh Nghệ An***

Qua kinh nghiệm của các địa phương trong và ngoài nước về thu hút vốn ĐTTTNN tỉnh Nghệ An có thể rút ra 7 bài học kinh nghiệm cho tỉnh Nghệ An

Thứ nhất, làm tốt thiết lập mục tiêu thu hút vốn ĐTTTNN phù hợp với bối cảnh địa phương.

Thứ hai, các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư thu hút vốn ĐTTTNN cần được thay đổi phù hợp với mục tiêu thu hút vốn ĐTTTNN của địa phương.

Thứ ba, các chính sách về thuế nên có tính chọn lọc, không áp dụng dàn trải

Thứ tư, chính sách tài chính đất đai cần được điều chỉnh theo hướng công khai, minh bạch, mang tính ổn định lâu dài qua đó giúp NĐTNN có thể ổn định tâm lý đầu tư và hoạch định kế hoạch SXKD lâu dài.

Thứ năm, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho phù hợp với yêu cầu thu hút vốn ĐTTTNN.

Thứ sáu, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác xúc tiến đầu tư đặc biệt là xúc tiến trực tiếp đến NĐTNN phù hợp với mục tiêu thu hút vốn ĐTTTNN mà địa phương hướng tới.

Thứ bảy, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ- XÃ HỘI TỈNH NGHỆ AN**

**2.1. Khái quát về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và thực trạng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Nghệ An**

***2.1.1. Khái quát về các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tỉnh Nghệ An***

***2.1.2. Thực trạng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và tác động của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Nghệ An***

***2.1.2.1. Thực trạng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Nghệ An***

• ***Quy mô vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài***

Sau hơn 30 năm kể từ khi có dự án đầu tiên vào tỉnh Nghệ An, đến nay đã thu hút được **120** dự án ĐTTTNN. Trong đó, có **102** dự án còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký **2.823,75** triệu USD (trong đó có dự án có quy mô đăng ký lớn nhất là nhà máy sản xuất sắt xộp của Nhật Bản với số vốn đăng ký 1.000 triệu USD năm 2010, tuy nhiên dự án này đến nay vẫn chưa triển khai thực hiện), 18 dự án đã chấm dứt hoạt động.

• ***Cơ cấu vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Nghệ An***

➤ **Về lĩnh vực đầu tư**

Tính từ năm thời điểm bắt đầu thu hút đến nay, vốn ĐTTTNN của Nghệ An tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo (72 dự

án/1.948,38 triệu USD vốn đăng ký, chiếm 60 % số lượng dự án và 69 % số vốn đăng ký. Tiếp theo là các ngành dịch vụ, thương mại (7 dự án/ 427,23 triệu USD vốn đăng ký, tuy chỉ chiếm 5,83 % số lượng dự án nhưng lại chiếm 15,13 % vốn đăng ký đứng thứ 2 trong tổng vốn đăng ký vào các ngành).

➤ **Về hình thức đầu tư**

Trong các hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài chiếm tỷ trọng lớn cả về số lượng dự án cũng như vốn đăng ký và vốn thực hiện (85 dự án/2,371,95 triệu USD, chiếm 70,83% số lượng dự án và 84,00% số vốn đăng ký).

➤ **Về địa bàn đầu tư**

Các dự án ĐTTTNN hiện nay vẫn chủ yếu tập trung ở KCN, KKT với 56 dự án/2.319,71 triệu USD (chiếm 46,15% số lượng dự án và hơn 82,15% tổng vốn đăng ký trong toàn tỉnh). Số lượng các dự án đầu tư bên ngoài KCN, KKT Đông Nam tuy lớn hơn với 64 dự án/504,04 triệu USD nhưng có vốn đăng ký và thực hiện thấp hơn. Kết quả này là do các KCN và KKT Đông Nam tỉnh và Trung ương có các chính sách ưu đãi, hỗ trợ cao nhất cho các dự án đầu tư vào các KCN, KKT Đông Nam.

➤ **Về đối tác đầu tư**

Tính từ năm 1992 đến nay, Nghệ An đã thu hút vốn ĐTTTNN từ 18 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới trong đó chủ yếu đến từ các nước châu Á với 94/120 dự án chiếm tới 78,3% số dự án, 2.596,41 triệu vốn đăng ký chiếm 89,58 % vốn đăng ký. Trong đó, Hàn Quốc là quốc gia đứng đầu về số lượng dự án (34/109 dự án), Nhật Bản là quốc gia có số vốn đăng ký lớn nhất (chiếm 48,72 % tổng vốn đăng ký).

*2.1.2.2. Tác động của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến phát triển kinh tế xã hội tỉnh Nghệ An*

• **Đóng góp cho tăng trưởng kinh tế tỉnh Nghệ An**

Qua bảng số liệu ta thấy, mức độ đóng góp của khu vực có vốn ĐTTTNN vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Nghệ An chưa nhiều. Tỷ lệ đóng góp của khu vực có vốn ĐTTTNN trong GRDP tỉnh biến động từ 1,5% đến dưới 2%.

• **Đóng góp cho ngân sách địa phương**

Tỷ lệ đóng góp của khu vực có vốn ĐTTTNN vào so với tổng thu NSNN tỉnh Nghệ An không cao, thậm chí còn giảm. Nếu so sánh tỷ lệ này với các địa phương khác như Vĩnh Phúc chiếm 93,5%, Bắc Ninh 72%, Đồng Nai 63%, Bình Dương 50% và đối với cả nước giai đoạn 2011 - 2019, khu vực có vốn ĐTTTNN đóng góp khoảng 28% tổng thu NSNN hàng năm [67] thì con số này của tỉnh Nghệ An là quá nhỏ.

• **Đóng góp cho kim ngạch xuất khẩu địa phương**

Bình quân giai đoạn 2011-2021, tỷ lệ đóng góp kim ngạch xuất khẩu của khu vực có vốn ĐTTTNN là 17,5%, tăng từ 28,857 triệu USD năm 2011 (chiếm 11,38% tổng kim ngạch xuất khẩu cả tỉnh) lên 178 triệu USD năm 2021 (chiếm 15,8 % tổng kim ngạch xuất khẩu cả tỉnh).

• ***Đóng góp cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương***

Giai đoạn 2011-2021, giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực có vốn ĐTTTNN chiếm bình quân xấp xỉ 11% giá trị sản xuất công nghiệp cả tỉnh. Tỷ lệ này thể hiện mức độ tác động đến chuyển dịch kinh tế của tỉnh tuy chưa đặc biệt rõ nét nhưng đã có những đóng góp nhất định. Cơ cấu công nghiệp tiếp tục chuyển dịch nhanh và đúng hướng, cơ cấu nội ngành cũng có sự chuyển dịch tích cực theo hướng tăng nhanh tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và giảm dần ngành khai thác chế biến khoáng sản. Trong 10 năm qua, cơ cấu ngành công nghiệp của tỉnh dịch chuyển 3% với sự đóng góp của khu vực có vốn ĐTTTNN là 12% trong 3% thay đổi đó.

• ***Đóng góp vào tạo công ăn việc làm và thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động của địa phương***

Theo thống kê thì tỷ trọng lao động có việc làm từ khu vực ĐTTTNN chiếm dưới 2% so với tổng lao động của địa phương. Tuy nhiên, nếu so với số lao động làm việc trong doanh nghiệp thì nó lại chiếm tỉ trọng khá lớn và tăng đều qua các năm. Lao động làm việc trong doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2021 là 340,128 nghìn người tăng gấp 1,5 lần cùng thời điểm năm 2011. Bình quân giai đoạn 2011-2021, mỗi năm lao động tăng thêm 5,15%/năm.

• ***Đóng góp của ĐTTTNN vào thu nhập của người lao động***

Thu nhập bình quân của người lao động ở khu vực có vốn nước ngoài cao hơn hẳn so với mặt bằng thu nhập bình quân tại các DN trong nước trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

• ***Tác động chuyển giao công nghệ***

Các DN có vốn ĐTTTNN đã góp phần chuyển giao công nghệ, nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn kỹ thuật cho công nhân thông qua việc nhập khẩu nhiều thiết bị với dây chuyền công nghệ hiện đại, công nghệ mới.

Mặc dù vậy, mức độ đóng góp của khu vực có vốn ĐTTTNN đến chuyển giao công nghệ của tỉnh Nghệ An chưa cao. Tỷ trọng dự án ĐTTTNN đến từ các quốc gia nắm giữ công nghệ nguồn như EU, Nhật, Mỹ còn quá nhỏ (chưa đến 5%). Mức độ hiện đại và cập nhật của các công nghệ tại các DN có vốn ĐTTTNN chưa cao (tuy là có cao hơn DN trong nước) và quan trọng là tỷ lệ nội địa hóa cũng không cao.

**2.2. Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An**

**2.2.1. Thực trạng thiết lập mục tiêu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Nghệ An**

*Thứ nhất, mục tiêu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài*

Theo như phân tích thực trạng dòng vốn ĐTTTNN tại phần 2.1.2.1 thì kết quả tỉnh Nghệ An chỉ thu hút vốn ĐTTTNN đạt được ½ chỉ tiêu đề ra. Chưa kể, tỷ lệ vốn thực hiện giải ngân chưa ổn định, tỷ lệ giải ngân bình quân cả 2 giai đoạn dưới 30%, thấp hơn so với mục tiêu.

*Thứ hai, mục tiêu về đóng góp của vốn ĐTTTNN tới phát triển KTXH tỉnh Nghệ An.*

Từ thời điểm bắt đầu thu hút vốn ĐTTTNN, tỉnh Nghệ An vẫn chỉ coi trọng quy mô thu hút, chưa chú trọng đến những đóng góp của dòng vốn này đến phát triển KT-XH địa phương. Tỉnh không xây dựng các mục tiêu đóng góp cho phát triển KT-XH của địa phương từ khu vực có vốn ĐTTTNN. Ngoài thiết lập mục tiêu thu hút vốn ĐTTTNN, những năm gần đây tỉnh Nghệ An đã bắt đầu chú trọng đến kế hoạch/chương trình hành động để nâng cao hiệu quả thu hút vốn đầu tư vào tỉnh trong giai đoạn sắp tới theo từng nhóm giải pháp.

### **2.2.2. Thực trạng cải thiện môi trường đầu tư thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Nghệ An**

#### **2.2.2.1. Cải thiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư của tỉnh Nghệ An**

Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư tài chính của tỉnh Nghệ An bao gồm chính sách ưu đãi thuế và thuê đất, hỗ trợ đầu tư trích từ NSNN.

#### **• Chính sách ưu đãi miễn giảm thuế và quản lý thuế**

- *Chính sách ưu đãi và miễn giảm thuế*

#### **Ưu đãi về thuế của tỉnh Nghệ An**

<b>Loại hình ưu đãi thuế</b>	<b>KKT Đông Nam, các huyện: Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Quế Phong, Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu và Anh Sơn</b>	<b>Các huyện: Tân Kỳ, Nghĩa Đàn, Thái Hòa và Thanh Chương</b>
<b>Thuế TNDN</b>	-10% Thuế TNDN trong 15 năm - 04 năm miễn thuế kể từ khi có thu nhập chịu thuế - Giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo	-17% trong 10 năm đầu - 2 năm miễn thuế kể từ khi có thu nhập chịu thuế - Giảm 50% trong 4 năm tiếp theo
<b>Thuế nhập khẩu</b>	Miễn thuế hàng hóa nhập khẩu tạo tài sản cố định Miễn thuế 5 năm đối với nguyên liệu, vật tư và linh kiện trong nước chưa sản xuất được	Miễn thuế hàng hóa nhập khẩu tạo tài sản cố định Miễn thuế NK 5 năm nguyên liệu, vật liệu và linh kiện trong nước chưa sản xuất được với các dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư

- *Quản lý thuế:*

Hiện nay, hệ thống khai thuế điện tử đã được triển khai tại cơ quan Cục Thuế Nghệ An và 100% Chi cục Thuế trực thuộc. 100% DN đang hoạt động, tham gia sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử; 100% DN đã đăng ký tham gia sử dụng dịch vụ nộp thuế điện tử; 100% DN tham gia, thực hiện thủ tục hoàn thuế điện tử.

#### **• Chính sách ưu đãi tài chính về đất đai**

Bên cạnh các quy định của Chính Phủ về đất đai tỉnh Nghệ An cũng cụ thể một số quy định về lĩnh vực này

### Chính sách ưu đãi về cho thuê đất của tỉnh Nghệ An

<b>Loại hình ưu đãi thuế và cho thuê đất</b>	<b>KKT Đông Nam, các huyện: Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Quế Phong, Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu và Anh Sơn</b>	<b>Các huyện: Tân Kỳ, Nghĩa Đàn, Thái Hòa và Thanh Chương</b>
<b>Chính sách ưu đãi về thuê đất</b>		
Thuê đất	Miễn tiền thuê đất: - 3 năm khi XD CB - Dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư trong: 15 năm tại địa bàn đặc biệt khó khăn, 13 năm tại địa bàn khó khăn, 11 năm với các dự án còn lại - Đầu tư kinh doanh hạ tầng: 15 năm tại địa bàn khó khăn, 11 năm với các địa bàn còn lại.	Miễn tiền thuê đất: 03 năm khi XD CB 15 năm đối với dự án đặc biệt khuyến khích đầu tư 11 năm với dự án khuyến khích đầu tư 7 năm với các dự án còn lại

Đối với bảng giá đất KCN trong KKT Đông Nam và các KCN được Chính phủ thành lập trên địa bàn tỉnh thì định kỳ 5 năm hoặc khi cần thiết HĐND tỉnh có thể ban hành.

- **Chính sách hỗ trợ đầu tư từ NSNN:**

Bên cạnh các ưu đãi về thuế, tiền thuê đất, tỉnh Nghệ An còn có các chính sách hỗ trợ đầu tư. Trước ngày 1/1/2021 tỉnh Nghệ An áp dụng chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư cho NĐTNN trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND. Từ giữa năm 2021 trở đi tỉnh ban hành Nghị quyết 05/2021/NQ-HĐND quy định về chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025 thay thế nghị quyết 26. Kinh phí hỗ trợ đầu tư được lấy từ NSNN tỉnh đảm bảo thực hiện.

- **2.2.2.2. Xây dựng cải thiện cơ sở hạ tầng trọng yếu của tỉnh Nghệ An**

- **Chi ngân sách nhà nước vào cơ sở hạ tầng**

Trong cơ cấu nguồn vốn thực hiện xây dựng hạ tầng trọng yếu của tỉnh thì NSNN chiếm đa số (72% cho giai đoạn 2011-2015 và 65,8% giai đoạn 2016-2020) và vốn từ thu hút đầu tư tăng dần qua các giai đoạn (từ 27,53% giai đoạn 2011-2015 lên 34,7% giai đoạn 2016-2021). Chi NSNN có tỷ lệ vốn thực hiện đạt khá thấp từ 56% cho giai đoạn 2011-2015 xuống còn 35,2% giai đoạn 2016-2021.

Trong các loại cơ sở hạ tầng trọng yếu thì hạ tầng giao thông có tổng vốn đầu tư lớn nhất với 23.337 tỷ đồng trong đó 17.135 tỷ đồng từ NSNN, hạ tầng KKT và KCN có tổng vốn đầu tư 4.932,79 tỷ đồng trong đó NSNN đầu tư 2.855 tỷ đồng, hạ tầng đô thị có 10.925 tỷ đồng trong đó NSNN đầu tư 8.345,1 tỷ đồng. Ngoài đầu tư vào CSHT giao thông, KCN và KKT, hạ tầng đô thị thì tỉnh Nghệ An còn dành phần vốn đầu tư vào hoàn thiện các hạ tầng dịch vụ khác.

• **Sử dụng các chính sách ưu đãi tài chính thu hút nhà đầu tư vào cơ sở hạ tầng**

Trong thời gian qua, tỉnh đã ban hành nhiều chính sách ưu đãi thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước tham gia xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng (chính sách thuê đất đai, chính sách ưu đãi thuế, giải phóng mặt bằng...).

Tỉnh Nghệ An đã ban hành các chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An (Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Nghệ An).

*2.2.2.3. Cải cách thủ tục hành chính*

Để thực hiện cải cách hành chính tỉnh Nghệ An đã bố trí NSNN thực hiện Đề án cải cách thủ tục hành chính của tỉnh Nghệ An trong giai đoạn 2011-2021 đặc biệt giai đoạn 2016-2021. Kinh phí phục vụ công tác cải cách thủ tục hành chính chủ yếu lấy từ NSNN cấp tỉnh phân bổ với các nội dung bao gồm: nâng cấp bộ phận 1 cửa, mua máy móc thiết bị phục vụ công tác cải cách hành chính, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu cải cách hành chính, tuyên truyền về cải cách hành chính, điều tra sự hài lòng của DN, người dân với hệ thống hành chính sau cải cách.

Kết quả đã có 419 TTHC được cắt giảm với tổng thời gian cắt giảm là 1.961 ngày. Tính bình quân đã có 419/1.677 TTHC được đơn giản hóa, giảm thời gian thực hiện (đạt tỷ lệ 24,98%).

*2.2.2.4. Nâng cao chất lượng lao động của địa phương*

Nghệ An sử dụng các giải pháp nâng cao chất lượng lao động: Chính sách khuyến khích, hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu của các NĐTNN. Chi NSNN cho đào tạo nghề, đào tạo chuyên nghiệp, đào tạo cán bộ công chức viên chức và thu hút nhân tài tỉnh Nghệ An.

**2.2.3. Thực trạng công tác xúc tiến đầu tư thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Nghệ An**

Chi NSNN cho xúc tiến đầu tư của tỉnh Nghệ An trong giai đoạn này đã phản ánh những nỗ lực trong hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh về thay đổi cách làm... Nhờ tăng bố trí chi NSNN cho xúc tiến đầu tư mà hoạt động này đã đạt được một số kết quả nhất định.

**2.3. Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tỉnh Nghệ An.**

*2.3.1. Mô hình nghiên cứu đề xuất*

H1: Cơ sở hạ tầng có tác động cùng chiều đến quyết định đầu tư

H2: Chính sách, ưu đãi đầu tư có tác động cùng chiều đến quyết định đầu tư

H3: Chất lượng dịch vụ công có tác động cùng chiều đến quyết định đầu tư

H4: Nguồn nhân lực có tác động cùng chiều đến quyết định đầu tư

H5: Chi phí đầu vào cạnh tranh có tác động cùng chiều đến quyết định đầu tư

H6: Thương hiệu địa phương có tác động cùng chiều đến quyết định đầu tư

H7: Môi trường sống và làm việc có tác động cùng chiều đến quyết định đầu tư

H8: Cụm ngành công nghiệp hỗ trợ có tác động cùng chiều đến quyết định đầu tư

### **2.3.2. Thu thập và xử lý số liệu**

Quá trình thu thập phiếu điều tra được sử dụng theo phương thức online và phát phiếu trực tiếp. NCS đã gửi đi 420 phiếu, tuy nhiên sau khi tổng hợp và chọn lọc số phiếu hợp lệ thu được là 399 phiếu.

### **2.3.3. Kết quả nghiên cứu**

#### **➤ Kiểm định Cronbach's Alpha**

Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha cho thấy hệ số Cronbach's Alpha của tất cả các biến đều đảm bảo theo yêu cầu ( $>0,6$ ) và hệ số tương quan biến tổng  $<0,3$ .

#### **➤ Phân tích nhân tố khám phá EFA**

Sau khi chạy kiểm định Cronbach's Alpha và EFA, Trị số Eigenvalues =  $1,436 > 1$  tại nhân tố thứ 8, như vậy 8 nhân tố rút trích được từ EFA có ý nghĩa tóm tắt thông tin các biến quan sát đưa vào tốt nhất. Tổng phương sai trích: Rotation Sums of Squared Loadings (Cumulative %) =  $64,294\% > 50\%$ . Điều này chứng tỏ  $64,294\%$  biến thiên của dữ liệu được giải thích bởi 8 nhân tố.

#### **➤ Xây dựng mô hình hồi quy và kiểm định các giả thiết**

$$\text{YDDT} = 0,334\text{CSHT} + 0,319\text{NL} + 0,317\text{CLDVC} + 0,254\text{CSDT} + 0,188\text{THDP} + 0,099\text{MTS} + 0,082\text{CNHTCN} + \varepsilon$$

Quyết định đầu tư của các NĐTNN chịu tác động bởi 7 trong 8 nhân tố được đề xuất bao gồm CSHT, NL, CLDVC, CSĐT, THDP, MTS, CNHTCN tuy nhiên trong 7 nhân tố đó, có 4 nhân tố ảnh hưởng mạnh nhất để ý định đầu tư của NĐTNN cụ thể: CSHT ( $\beta = 0,334$ ), NL ( $\beta = 0,319$ ), CLDVC ( $\beta = 0,317$ ), CSĐT ( $\beta = 0,254$ ). Và nhân tố CPDV (Chi phí đầu vào) không tác động đến YDDT.

## **2.4. Đánh giá thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An**

### **2.4.1. Những kết quả đạt được**

#### **2.4.1.1. Kết quả đạt được về thu hút và tác động của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nghệ An**

Dòng vốn ĐTTNN đã và đang từng bước trở thành nguồn đầu tư quan trọng của tỉnh Nghệ An. Đóng góp của khu vực này tới phát triển kinh tế xã hội tỉnh ngày càng rõ nét, đặc biệt là tăng trưởng kinh tế trong những năm gần đây và những thay đổi tích cực của ngành công nghiệp. Bên cạnh đó, các dự án ĐTTNN đã góp phần hỗ trợ có hiệu quả môi trường đầu tư, từng bước thúc đẩy và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo điều kiện cho Nghệ An mở rộng thị trường quốc tế, gia tăng kim ngạch xuất khẩu, từng bước tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

#### **2.4.1.2. Kết quả đạt được trong thiết lập mục tiêu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài**

Về công tác thiết lập mục tiêu thu hút vốn ĐTTNN của tỉnh Nghệ An trong giai đoạn 2011-2021 đã bắt đầu được quan tâm, rà soát kỹ càng các kế hoạch thu hút vốn ĐTTNN.

### 2.4.1.3. Kết quả đạt được về cải thiện môi trường đầu tư

- Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư hấp dẫn, ngày càng được hoàn thiện theo hướng có lợi cho nhà đầu tư.

+ Chính sách thuế hấp dẫn hơn các địa phương khác trong khu vực.

+ Chính sách đất đai từng bước được hoàn thiện, bảng giá thuê đất đặc biệt thuê đất tại các KCN được điều chỉnh giảm phù hợp với thị trường, cách xác định khung giá thuê đất cũng được điều chỉnh hợp lý hơn.

+ Chính sách hỗ trợ đầu tư hấp dẫn hơn các địa phương lân cận từng bước được cải thiện sát với thực tiễn và hợp lý hơn.

- Hệ thống kết cấu cơ sở hạ tầng đang được tỉnh từng bước hoàn thiện.

- Đội ngũ nhân lực qua đào tạo ngày càng tăng lên, chất lượng đội ngũ nhân lực đã có những cải thiện nhất định.

- Cải cách thủ tục hành chính đã có kết quả nhất định.

### 2.4.2. Những hạn chế còn tồn tại

2.4.2.1. Hạn chế về thu hút và tác động của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến phát triển kinh tế xã hội tỉnh Nghệ An

- Quy mô phần lớn các dự án có vốn ĐTTTNN còn khá nhỏ.

- Số lượng dự án có tính động lực, lan tỏa còn ít; số lượng các dự án đầu tư trong các ngành có giá trị gia tăng cao, đóng góp ngân sách nhiều còn hạn chế.

- Tỷ lệ góp vốn đầu tư, nộp ngân sách nhà nước của khu vực có vốn ĐTTTNN còn hạn chế

- Phần lớn các dự án có vốn ĐTTTNN hiện nay chủ yếu đầu tư vào công nghiệp chế biến, gia công chế tạo và xây dựng

- Thu hút đầu tư vào các KCN trọng điểm như VSIP, Hemaraj, Hoàng Mai, Đông Hội chưa đáp ứng kỳ vọng.

- Mức độ kết nối, lan tỏa của khu vực có vốn ĐTTTNN còn thấp.

- Nhiều nhà đầu tư trong nước còn đang sử dụng công nghệ lạc hậu.

### 2.4.2.2. Hạn chế về thiết lập mục tiêu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Bên cạnh những kết quả đạt được từ công tác thiết lập mục tiêu thu hút vốn ĐTTTNN trong những năm qua công tác này còn vấp phải một số thiếu sót. Cụ thể:

- Quy mô thu hút thiết lập chưa sát thực tế. Trong giai đoạn 2011-2021, dòng vốn ĐTTTNN thu hút được chỉ đạt ½ mục tiêu thiết lập cho cả giai đoạn. Chưa thiết lập mục tiêu kế hoạch thu hút vốn ĐTTTNN độc lập mà chỉ lồng ghép vào các mục tiêu phát triển KT-XH của địa phương.

- Chưa thiết lập các mục tiêu về đóng góp của khu vực có vốn ĐTTTNN tới phát triển KT-XH địa phương.

- Thiết lập mục tiêu thu hút vốn ĐTTTNN theo lĩnh vực tuy đã có cụ thể hơn nhưng vẫn còn dàn trải nhiều ngành, chưa tập trung vào một số ngành mũi nhọn của địa phương.

- Danh mục dự án ưu tiên kêu gọi vốn đầu tư của tỉnh tuy có làm, nhưng chất lượng chưa cao, thông tin chưa đầy đủ hoặc chưa đáp ứng yêu cầu của nhà đầu tư, do đó chưa tạo ra thế chủ động trong kêu gọi hợp tác đầu tư.

- Chất lượng của kế hoạch hành động thu hút vốn ĐTTTNN của không cao.

#### 2.4.2.3. Hạn chế về cải thiện môi trường đầu tư

**- Chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư dàn trải thiếu tính trọng điểm trọng tâm, được ban hành nhiều nhưng chưa phát huy hiệu quả thu hút các NĐTNN**

+ Chính sách thuế tỉnh Nghệ An áp dụng còn dài trải, tuy nhìn thì hấp dẫn nhưng không thực sự mang lại hiệu quả trong thu hút vốn ĐTTTNN của tỉnh Nghệ An trong thời gian qua.

+ Các ưu đãi tài chính đất đai còn dàn trải, chưa tập trung vào các lĩnh vực thu hút trọng điểm của địa phương. Bảng giá thuê đất tại các KCN, KKT còn khá cao và không cạnh tranh bằng các địa phương lân cận.

+ Chính sách hỗ trợ đầu tư từ NSNN còn bất cập, chưa bám sát thực tiễn, chưa thực sự hấp dẫn NĐTNN

**- Mức độ cải thiện hạ tầng và kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là hạ tầng giao thông trọng yếu như cảng biển (cảng nước sâu), sân bay, hạ tầng KKT, các KCN. Việc thu hút vốn đầu tư vào cải thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu còn khó khăn.**

**Thứ nhất**, nguồn từ NSNN (NSTW và NSDP) dành cho đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng trọng yếu như chưa đáp ứng nhu cầu phát triển.

**Thứ hai**, chi NSNN cho cải thiện CSHT tỉnh Nghệ An còn quá dàn trải, chưa tập trung vào những CSHT đang là điểm nghẽn trong thu hút vốn ĐTTTNN của tỉnh Nghệ An

**Thứ ba**, vẫn còn tình trạng giải ngân NSNN cho CSHT chậm và lãng phí.

**Thứ tư**, thu hút vốn đầu tư vào xây dựng cơ sở hạ tầng trọng yếu vẫn còn chậm, dẫn đến hạ tầng KKT, KCN chưa đáp ứng yêu cầu thu hút nhà đầu tư.

**- Cải cách hành chính chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra, quy trình thủ tục còn rườm rà, làm mất cơ hội và tăng chi phí thời gian của nhà đầu tư.**

Chi NSNN cho cả cách hành chính chưa đáp ứng yêu cầu cải cách đối với NĐTNN và cơ cấu chi NSNN còn chưa cân đối, chưa đúng trọng điểm. Chi NSNN đang tập trung quá nhiều vào cải thiện phần cứng của CCHC như trụ sở, trang thiết bị mà thiếu sự đầu tư vào cải thiện phần mềm (hệ thống công nghệ thông tin) để chuyển đổi số các TTHC từ đó công tác cải cách hành chính vẫn chưa đáp ứng nhu cầu của NĐTNN bởi việc số hóa TTHC sẽ giúp tiết kiệm thời gian và các chi phí không chính thức.

Chi NSNN cho đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức hành chính nhà nước còn thấp, dàn trải và chưa mang lại hiệu quả cao bên cạnh đó chi NSNN cho tuyên truyền cải cách thủ tục hành chính để giải quyết vấn đề chi phí không chính thức lại chưa nhiều.

**- Chất lượng lao động của tỉnh chưa đáp ứng nhu cầu của các NĐTNN và đặc biệt là thiếu nhân lực chất lượng cao**

**Thứ nhất**, chi NSNN cho đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh tuy tăng lên nhưng vẫn chưa đủ để đáp ứng nhu cầu nhân lực của NĐTNN.

**Thứ hai**, chi NSNN cho đào tạo nhân lực đang dàn trải, không hiệu quả và thiếu tính chiến lược lâu dài.

**Thứ ba**, cơ cấu chi NSNN cho đào tạo nguồn nhân lực chưa cân đối và chưa đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng giảng dạy đào tạo theo hướng ứng dụng của tỉnh Nghệ An.

**Thứ tư**, Tỉnh Nghệ An chưa coi trọng chính sách thu hút nhân tài trở lại địa phương làm việc thể hiện ở phần NSDP cho thu hút quá nhỏ.

#### *2.4.2.4. Hạn chế về xúc tiến đầu tư*

Kinh phí xúc tiến đầu tư hiện nay chiếm tỷ trọng nhỏ chưa hơn so với xúc tiến thương mại.

Kinh phí xúc tiến đầu tư còn nhiều hạn chế, các sở, ban, ngành, các địa bàn trong tỉnh còn bị động trong việc chuẩn bị dự án, tổ chức kêu gọi, vận động xúc tiến thu hút vốn ĐTTTNN. Công tác xúc tiến đầu tư còn thụ động, phụ thuộc sự chỉ đạo của lãnh đạo. Việc quản lý và hoạt động xúc tiến đầu tư chưa đem lại hiệu quả cao.

Hoạt động xúc tiến đầu tư đang chủ yếu tập trung vào các giai đoạn trước cấp phép đầu tư, các hoạt động hỗ trợ đầu tư khi dự án triển khai và đi vào hoạt động (xúc tiến đầu tư tại chỗ) chưa được các cấp, các ngành quan tâm đúng mức.

### **2.4.3. Nguyên nhân của hạn chế**

#### *2.4.3.1. Nguyên nhân khách quan*

Thứ nhất, vị trí của Nghệ An nằm khá xa các cực tăng trưởng

Thứ hai, tình hình chính trị trong khu vực và trên thế giới thời gian qua diễn biến phức tạp, khó lường

Thứ ba, hành lang pháp lý liên quan đến lĩnh vực đầu tư, xây dựng, đất đai, nhà ở, bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật chuyên ngành thiếu tính đồng bộ và ổn định.

Thứ tư, chính sách thuế theo quy định của Nhà nước còn một số bất cập

Thứ năm, ý thức chấp hành pháp luật của một số NĐTNN chưa tốt.

#### *2.4.3.2. Nguyên nhân chủ quan*

Thứ nhất, nguồn lực của NSDP tỉnh Nghệ An có hạn và cơ cấu chi NSDP chưa hợp lý.

Thứ hai, tỉnh thiếu quỹ đất sạch để thu hút, mời gọi đầu tư

Thứ ba, đội ngũ nguồn nhân lực tỉnh sử dụng trong công tác thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài chưa thực sự đáp ứng yêu cầu của công việc.

Thứ tư quá trình tổ chức thực hiện các giải pháp để thu hút vốn ĐTTTNN còn yếu kém, trình độ quản lý khu vực ĐTTTNN của địa phương còn nhiều bất cập, sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng chưa nhịp nhàng.

Thứ năm, nhận thức và tư duy về thu hút vốn ĐTTTNN, về môi trường đầu tư vẫn chưa theo kịp với yêu cầu của phát triển.

Thứ sáu, các quy hoạch liên quan đến thu hút vốn ĐTTTNN còn chồng chéo mâu thuẫn.

### Chương 3

## GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH NGHỆ AN

**3.1. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và quan điểm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Nghệ An**

**3.1.1. Mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An đến năm 2030**

**3.1.2. Quan điểm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030**

Thứ nhất, thu hút vốn ĐTTTNN bám sát nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Nghệ An trong từng giai đoạn, thu hút trọng tâm, trọng điểm và bảo đảm sự phát triển bền vững.

Thứ hai, thu hút vốn ĐTTTNN chuyển dần từ chiều rộng sang chiều sâu có lộ trình. Giai đoạn từ 2026 - 2030 tập trung chuyển mạnh sang chiều sâu theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sử dụng ít tài nguyên, năng lượng, thân thiện môi trường.

Thứ ba, cải thiện môi trường đầu tư được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của các cấp, các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; được thực hiện với các giải pháp đồng bộ, gắn với nâng cao hiệu quả thu hút, quản lý và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Thứ tư, các giải pháp thu hút vốn ĐTTTNN phải được thực hiện một cách đồng bộ, hỗ trợ và thống nhất với nhau.

**3.2. Các giải pháp tăng cường thu vốn hút đầu tư trực tiếp nước ngoài cho phát triển kinh tế- xã hội tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030**

**3.2.1. Hoàn thiện công tác xây dựng các mục tiêu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Nghệ An gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh**

Để xây dựng mục tiêu thu hút vốn ĐTTTNN cụ thể và sát với thực tiễn thì tỉnh Nghệ An cần thực hiện 3 nhiệm vụ: *thứ nhất*, đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về thu hút vốn ĐTTTNN; *thứ hai*, rà soát lại kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh hiện tại, để xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Nghệ An khả thi và chất lượng cho giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; *thứ ba*, xây dựng các mục tiêu thu hút vốn ĐTTTNN phù hợp với thực tiễn, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Nghệ An.

**Đối với mục tiêu thu hút vốn đầu tư nước ngoài:**

Đồng thời với xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, việc xác định định hướng thu hút vốn ĐTTTNN cần được xác định cụ thể hơn.

- Đối với quy mô thu hút vốn ĐTTTNN tỉnh xác định cần tương thích với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Đối với ngành mục tiêu và NĐTNN mục tiêu: Xây dựng quy hoạch phát triển ngành mũi nhọn hay ngành chiến lược một cách rõ ràng, đầy đủ phù hợp với tình hình hiện tại và định hướng tương lai.

- Sau khi xác định được ngành mũi nhọn cần thu hút vốn đầu tư và thúc đẩy thì đánh giá vai trò của vốn ĐTTTNN đối với ngành đó, lên kế hoạch thu hút vốn ĐTTTNN và có tính đến tính liên kết vùng của ngành đó (nhà đầu tư tiềm năng, lượng vốn ĐTTTNN cần thu hút, kế hoạch hành động thu hút cụ thể). Đối với kế hoạch hành động để thu hút vốn NĐTNN mục tiêu vào ngành mũi nhọn thì cần xây dựng cụ thể kế hoạch trong ngắn hạn, trung hạn, và dài hạn. Trong kế hoạch nên bao gồm: các hành động thực hiện, mục tiêu của hành động đó, thời gian thực hiện, đơn vị thực hiện, ngân sách thực hiện, đánh giá hành động đó theo tiêu chí nào? Hay áp dụng may đo chính sách cho NĐTNN mục tiêu của tỉnh.

### **3.2.2. Tăng cường cải thiện môi trường đầu tư thu hút vốn ĐTTTNN**

#### **3.2.2.1. Đổi mới chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư đối với nhà ĐTNN**

##### **• Đối với chính sách tài chính về đất đai**

Thứ nhất, tỉnh Nghệ An cần áp dụng các ưu đãi tài chính về đất đai có trọng tâm trọng điểm, tập trung vào các địa bàn tỉnh đã có sẵn quỹ đất thuận lợi cho NĐTNN. Không áp dụng mức ưu đãi thuê đất dàn trải như hiện nay. Những ưu đãi cao nhất, hấp dẫn nhất dành cho các khu vực, lĩnh vực ưu tiên thu hút và có sự khác biệt rõ ràng trong các mức ưu đãi để NĐTNN thấy hấp dẫn.

Thứ hai, cần xây dựng bảng giá đất tại KCN trong KKT Đông Nam và KCN khác trên địa bàn tỉnh sát với mức giá thị trường, có tính cạnh tranh hơn so với các KCN, KKT trong vùng, liền kề.

##### **• Đối với chính sách thuế**

Thứ nhất, đối với miễn giảm ưu đãi thuế: Thu hẹp diện ưu đãi thuế, đặc biệt là ưu đãi thuế TNDN. Theo đó, chỉ nên tập trung ưu đãi thuế đối với một số ít ngành, lĩnh vực rất quan trọng theo chính sách phát triển của tỉnh, các ngành sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng lớn, lĩnh vực xã hội hóa, công nghệ, môi trường và liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Tỉnh chỉ nên chọn lọc một số ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn được hưởng mức ưu đãi thuế cao nhất. Nên loại bỏ các ưu đãi thuế để thực hiện chính sách xã hội; loại bỏ các ưu đãi “thừa”.

Thứ hai, đối với quản lý thuế: Đơn giản hóa thủ tục kê khai, nộp thuế, giảm thời gian nộp thuế đối với các DN có vốn ĐTTTNN cũng là giải pháp quan trọng nhằm thu hút các NĐTNN.

##### **• Đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư:**

Đối với chính sách hỗ trợ chi phí đào tạo lao động lựa chọn phương án hỗ trợ theo tỷ lệ 20-30% chi phí đào tạo nhân lực của DN có vốn ĐTTTNN tùy theo quy mô (trên và dưới 500 lao động) hoặc theo tính chất kỹ năng của đào tạo (kỹ năng đào tạo càng nhiều thì hỗ trợ càng nhiều). Hoặc áp dụng mức ưu đãi về lao động cao hơn đối với các ngành mũi nhọn.

Đối với hỗ trợ kinh phí chuẩn bị đầu tư, ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% chi phí thực hiện các thủ tục đầu tư trong bước chuẩn bị đầu tư theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp lệ nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án sau khi dự án đi vào hoạt động; hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào dự án, ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư đường giao thông, hệ thống thoát nước đến hàng rào dự án.

Ngoài các chính sách chung đối với tất cả các dự án đầu tư, tỉnh cũng nên xây dựng chính sách riêng biệt cho các ngành mũi nhọn, ngành tỉnh đặc biệt khuyến khích đầu tư để mang lại hiệu quả thu hút hấp dẫn hơn. Có thể hỗ trợ về giá, đơn giá thuê đất, thuê mặt nước, chi phí san lấp mặt bằng cao hơn, đặc biệt là các dự án đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN, dự án xây dựng kinh doanh cảng biển mà tỉnh kêu gọi đầu tư trong thời gian tới; hay các ưu đãi đặc biệt về thuế, tiền thuế cho các DN có vốn ĐTTTNN có công nghệ nguồn, các dự án chứa hàm lượng công nghệ cao.

Sớm nghiên cứu các chương trình tín dụng ưu đãi cho các DN có vốn ĐTTTNN đầu tư vào tỉnh Nghệ An.

### *3.2.2.2. Phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh*

#### **Đối với nguồn đầu tư vào CSHT từ ngân sách nhà nước tỉnh:**

**Một là**, tiếp tục đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công tránh tình trạng thiếu vốn chậm tiến độ thi công các dự án cơ sở hạ tầng trọng yếu cấp thiết của tỉnh.

**Hai là**, tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, các nhà tài trợ để thu hút các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương để đầu tư các dự án lớn về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

**Ba là**, Nâng cao hiệu quả quản lý chi NSNN trong xây dựng cơ sở hạ tầng, tránh tình trạng thất thoát, lãng phí nguồn vốn và kém hiệu quả.

**Đối với thu hút vốn đầu tư vào xây dựng hoàn thiện đồng bộ CSHT trọng yếu từ nhà đầu tư tư nhân và nước ngoài.**

**Thứ nhất**, Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, góp vốn xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, tăng cường các giải pháp để tạo điều kiện thu hút các nhà đầu tư thực hiện đầu tư hạ tầng, nhất là các lĩnh vực giao thông, y tế, giáo dục - đào tạo và môi trường (các nhà máy xử lý rác thải, chất thải...). Khuyến khích đầu tư theo hình thức BTO, BT, BTO, PPP để tăng sự tham gia của khu vực tư nhân vào đầu tư hạ tầng.

Tăng cường huy động vốn đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

Lựa chọn đầu tư hạ tầng công nghiệp là các doanh nghiệp thực sự có khả năng về tài chính.

**Thứ hai**, nâng cao hiệu quả đầu tư từ nguồn vốn tư nhân và nước ngoài.

### *3.2.2.3. Đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh*

**Một là**, cần bổ sung thêm NSDP cho các chính sách đào tạo và thu hút nhân tài nói chung và các nhân tài về làm việc tại các cơ quan nhà nước có liên quan tới các lĩnh vực đầu tư.

**Hai là**, tiếp tục duy trì ưu tiên chi NSNN cho đào tạo nguồn nhân lực trong tổng chi NSNN.

**Ba là**, cần đưa ra được hoạch định cụ thể về nhu cầu nguồn nhân lực đúng và trúng nhu cầu của thị trường lao động dành cho các DN có vốn ĐTTTNN để nâng cao hiệu quả chi ngân sách cho đào tạo nhân lực.

**Bốn là**, điều chỉnh lại cơ cấu chi ngân sách địa phương cho đào tạo nhân lực.

**Năm là**, mở rộng nguồn lực đầu tư vào hoạt động đào tạo nhân lực từ nguồn xã hội hóa.

**Sáu là**, nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác thu hút vốn ĐTTTNN

*3.2.2.4. Cải cách thủ tục hành chính trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài*

**Một là**, Tiếp tục tăng chi NSNN đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng 4.0, hoàn thiện công tác xây dựng Chính quyền điện tử rút ngắn thời gian và chi phí cho các DN có vốn ĐTTTNN.

**Hai là**, tiếp tục bố trí NSNN hoàn thiện mô hình “một cửa liên thông” mà tỉnh đã và đang tiến hành.

*3.2.2.5. Giải pháp về tạo quỹ đất sạch, tăng khả năng tiếp cận đất đai*

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm phát triển quỹ đất các cấp để chuẩn bị tốt quỹ đất sạch, mời gọi nhà đầu tư, đồng thời đưa vào hoạt động Quỹ phát triển đất để tạo nguồn vốn thực hiện công tác BT GPMB, tạo quỹ đất sạch.

Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quỹ đất chưa sử dụng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư tiếp cận nguồn lực đất đai, mặt bằng sản xuất, đảm bảo cơ sở cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất. Các thông tin về quy hoạch cần được công bố công khai, đầy đủ trên Trang thông tin điện tử của UBND tỉnh.

Giải quyết các khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho doanh nghiệp.

Rà soát, xây dựng và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện các quy định làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện giao dịch điện tử về đất đai.

Ưu tiên đầu tư kinh phí cho việc hoàn thành đo đạc, lập bản đồ địa chính có tọa độ theo Nghị quyết số 39/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội về việc tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đối với các quyết định hành chính về đất đai và một số quy định của pháp luật về quản lý đất đai để tăng cường công tác về quản lý đất đai.

Công bố các nội dung của đồ án và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị đã được ban hành để các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp, người dân có thể khai thác thuận tiện, tạo sự bình đẳng cho các doanh nghiệp trong việc tiếp cận đất đai phục vụ sản xuất kinh doanh.

**3.2.3. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư ĐTTTNN**

*3.2.3.1. Hoàn thiện công tác xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư ĐTTTNN, đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng công tác xúc tiến đầu tư*

**Một là**, Chi NSNN cho xúc tiến đầu tư cần có mục tiêu, trọng tâm, trọng điểm và gắn với các tiêu chí hợp tác đầu tư.

**Hai là**, cần phân bổ cơ cấu chi NSNN tăng thêm cho xúc tiến đầu tư ra nước ngoài.

**Ba là**, tiếp tục dành NSNN cho những hoạt động xúc tiến trước đầu tư đang phát huy hiệu quả trong giai đoạn hiện nay

### *3.2.3.2. Đổi mới quan điểm và nội dung công tác xúc tiến đầu tư*

Tỉnh Nghệ An cần thay đổi quan điểm và nội dung về xúc tiến đầu tư từ bị động sang chủ động.

### *3.2.4. Tăng cường hợp tác trong và ngoài tỉnh nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài cho tỉnh Nghệ An*

## **3.3. Kiến nghị với các cơ quan có liên quan**

### **3.3.1. Với Quốc hội**

### **3.3.2. Với Chính phủ**

*Đổi mới mạnh mẽ nhận thức và quản lý nhà nước đối với thu hút vốn ĐTTTNN.*

*Hoàn thiện thể chế, chính sách thu hút đầu tư*

*Rà soát tổng thể các chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư của Việt Nam*

## **KẾT LUẬN**

Luận án “Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế xã hội tỉnh Nghệ An” đã thực hiện được một số nội dung cụ thể sau:

1. Luận án đã làm rõ cơ sở lý luận về vốn ĐTTTNN, thu hút vốn ĐTTTNN để phát triển kinh tế xã hội địa phương bao gồm khái niệm, nội dung và nhân tố ảnh hưởng. Đồng thời phân tích và tổng hợp kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của một số tỉnh, thành phố trong cả nước và rút ra bài học kinh nghiệm cho tỉnh Nghệ An.

2. Luận án đã phân tích thực trạng thu hút vốn ĐTTTNN và tác động của nó đến phát triển KTXH tỉnh Nghệ An giai đoạn 2011-2021. Phân tích thực trạng các nội dung thu hút vốn ĐTTTNN mà tỉnh Nghệ An đã triển khai bao gồm các mục tiêu thu hút được địa phương thiết lập, các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư và đẩy mạnh xúc tiến đầu tư. Trên cơ sở đó, luận án đã đánh giá những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế của thu hút vốn ĐTTTNN trong thời gian qua.

3. Trên cơ sở mục tiêu phát triển KTXH, quan điểm và định hướng thu hút vốn ĐTTTNN của tỉnh Nghệ An đến năm 2030, luận án đã đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường thu hút dòng vốn này trong thời gian tới đối với tỉnh Nghệ An bao gồm: hoàn thiện công tác quy hoạch, xây dựng các mục tiêu thu hút vốn ĐTTTNN gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, tăng cường cải thiện hơn nữa môi trường thu hút vốn ĐTTTNN, đẩy mạnh hơn nữa hoạt động xúc tiến đầu tư, tăng cường hợp tác trong và ngoài nước nhằm thu hút vốn ĐTTTNN cho tỉnh Nghệ An.

## **DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Bành Thị Thảo (2020), “Nhìn lại hơn 30 năm thu hút vốn ĐTTTNN trên địa bàn tỉnh Nghệ An”, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, số 19, tr.47-49.
2. Bành Thị Thảo (2020), “Solutions for Vietnam to compete for high-quality ĐTTTNN in under the spirit of the Resolution No. 50/NQTW”, *Hội thảo quốc tế “Finance - Accounting for promoting Sustainable Development on Private Sector (FASPS)*, NXB Tài chính, tr.162-171.
3. Bành Thị Thảo (2021), “Factors affecting foreign direct investment attraction in Nghe An province”, *Hội thảo quốc tế “Sustainable economic development and business management in the context of globalisation” (SEDBM 4)*, NXB Tài chính, tr.98-108.